

Số: 18 /NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 23 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Chấp thuận bổ sung danh mục các dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2019 trên địa bàn tỉnh

UBND THÀNH PHỐ LAI CHÂU	
DẾN	Số: 898
	Ngày: 06.8.2019
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Lai Châu;

Xét Tờ trình số 1294/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận danh mục các dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2019 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 292/BC-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận bổ sung danh mục các dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2019 trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Diện tích đất phải thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của các huyện, thành phố để thực hiện 120 công trình, dự án với diện tích 381,20 ha, gồm: Đất nông nghiệp 276,22 ha; đất phi nông nghiệp 44,78 ha; đất chưa sử dụng 60,20 ha; mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng của 75 công trình, dự án sử dụng ngân sách Nhà nước dự kiến là 77.118 triệu đồng (Chi tiết có Biểu số 01 kèm theo).

2. Diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ phải chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác để thực hiện 71 công trình, dự án với diện tích 70,37 ha, gồm: Đất trồng lúa 49,16 ha, đất rừng phòng hộ 21,21 ha (*Chi tiết có Biểu số 02 kèm theo*).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Trường hợp có thay đổi mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng khi triển khai thực hiện các công trình, dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền quyết định cụ thể về mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định hiện hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khoá XIV, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu : VT.

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hoàn

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHẢI THỬ HỘI ĐẤT NĂM 2019
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: **NQ-HĐND** ngày **23/7/2019** của Hội đồng nhân dân tỉnh)*



STT	Dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)					Kinh phí BT, GPMB dự kiến (tỷ đồng)
			Tổng cộng	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng		
(1)	Huyện Than Uyên	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
a	Dự án đầu tư công		47,77	38,19	9,37	0,21	5.280	
1	Kè bảo vệ khu dân cư, đất nông nghiệp suất Năm Bốn xã Hua Nà (bố sung diện tích)	Xã Hua Nà, Mường Cang; thị trấn Than Uyên	46,90	37,59	9,16	0,15	BT, GPMB xác định tại NQ số 30	
2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới (tạo quỹ đất ở dè đầu giá quyền sử dụng đất dọc ven đường QL32)	Xã Mường Than	1,00	0,90	0,10		1.000	
3	Dự án chỉnh trang đô thị tạo quỹ đất đầu giá, tái định cư và phát triển kinh tế - xã hội khu 8 thị trấn Than Uyên huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	1,81	1,50	0,23	0,08	3.000	
4	Dự án chỉnh trang đô thị khu 5a-7b (xây dựng khu dân cư 5a-7b thị trấn Than Uyên), (bố sung diện tích)	Thị trấn Than Uyên	0,30		0,30		Không BT về đất	
5	Trường PTDTBT tiểu học xã Tà Mung (điều chỉnh diện tích)	Xã Tà Mung	3,57	3,57			600	
6	Sân vận động xã Hua Nà	Xã Hua Nà	0,27	0,20		0,07	500	
7	Nâng cấp Đường QL32 đi Tre Bó - Sang Ngà - Bản Mường, huyện Than Uyên (bố sung)	Xã Mường Mít, Phúc Than	5,60	0,30	5,30		BT, GPMB xác định tại NQ số 30	
8	Nâng cấp đường giao thông nông thôn bản Múi đi Tà Lôm xã Khoen On (mặt đường, hệ thống thoát nước) huyện Than Uyên (bố sung)	Xã Khoen On	15,22	15,22			100	
9	Đường giao thông bản Pả Khoang đi Pả Chi Tấu xã Tà Hừa (mặt đường, rãnh thoát nước) huyện Than Uyên (bố sung)	Xã Tà Hừa	7,40	7,40			30	
10	Nâng cấp đường giao thông 279 đi Hua Chít (hàng mục mặt đường, rãnh thoát nước) xã Tà Hừa, huyện Than Uyên (bố sung)	Xã Tà Hừa	5,40	3,30	2,10		50	
11	Nâng cấp đường GTNT Bản Mớ đi Noong Quang, xã Khoen On, huyện Than Uyên (Giải đoạn 2) (Bố sung)	Xã Khoen On	0,20	0,20			BT, GPMB xác định tại NQ số 30	
b	Dự án ngoài đầu tư công		0,87	0,60	0,21	0,06		
12	Cải tạo và chống quá tải các TBA Giao thông, Mường Kim 2, Mường Kim 4 - huyện Than Uyên	Xã Mường Kim, Mường Cang	0,11	0,07	0,04		Ngoài NSNN	
13	Cải tạo và chống quá tải và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA khu vực thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên; X: Mường Than, Hua Nà, Mường Cang	0,17	0,06	0,08		Ngoài NSNN	
14	Cải tạo, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA Mường Than 1, Cẩm Trung, huyện Than Uyên (bố sung diện tích)	Các xã: Phúc Than, Mường Than	0,04	0,02	0,01		Ngoài NSNN	
15	Mở rộng và cải tạo lưới điện nông thôn vùng sâu, vùng xa tỉnh Lai Châu giai đoạn 3 - sử dụng vốn dự (điều chỉnh diện tích)	Các xã: Khoen On, Tà Già, Phúc Than	0,33	0,29	0,03		Ngoài NSNN	
16	Cấp điện cho các thôn bản chưa có điện tỉnh Lai Châu (điều chỉnh diện tích)	Thị trấn Than Uyên; Các xã: Mường Than, Phúc Than	0,06	0,05	0,01		Ngoài NSNN	
17	Cải tạo, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA Mường Than 2, Cầu Nặm Phang huyện Than Uyên (bố sung diện tích)	Các xã: Phúc Than, Mường Than	0,04	0,02	0,01		Ngoài NSNN	
18	Cải tạo, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA UB xã Nà Cang,	Thị trấn Than Uyên, các xã	0,08	0,06	0,02		Ngoài NSNN	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)			Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)
			Tổng cộng	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
19	Ban QLDA thủy điện 1 huyện Tân Uyên (bổ sung diện tích) Giảm bán kính cấp điện, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA: Mường Kim3, Mường Kim5, TT xã Tà Mung, huyện Tân Uyên (bổ sung diện tích)	Mường Cang, Hua Nà Các xã: Mường Kim, Tà Mung	0,04	0,03	0,01	Ngoài NSNN
II	Huyện Tân Uyên		38,73	27,43	8,22	8,955
a	Dự án đầu tư công		35,32	24,24	8,02	8,955
1	Trường tiểu học số 2 TT. Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,13	0,13		240
2	Trường tiểu học số 1 TT. Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,15	0,12	0,02	900
3	Trụ sở tiếp công dân huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,19	0,19		100
4	Trường THCS Hoàng Liên TT. Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,15	0,09	0,06	600
5	Đường Hua Cán – Hua Tra Nội	Xã Mường Khoa	25,20	18,51	4,80	800
6	Sân vận động huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	6,30	2,21	3,14	4.500
7	Trạm y tế xã Tà Mít	Xã Tà Mít	0,50	0,50		445
8	Trạm y tế xã Nậm Cắn	Xã Nậm Cắn	0,26	0,14	0,12	220
9	Mở rộng trung tâm y tế huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,18	0,09	0,09	300
10	Đường vào cầu Nà An, xã Mường Khoa	Xã Mường Khoa	1,26	1,26		50
11	Đường Nậm Sò - Uí Đạo	Xã Nậm Sò	1,00	1,00		800
12	Đường Uí Đạo – Uí Thái	Xã Nậm Sò				
b	Dự án ngoài đầu tư công		3,41	3,19	0,20	0,02
13	Xây dựng Trụ sở Bưu điện huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,24	0,24		Ngoài NSNN
		Xã Phúc Khoa	0,42	0,42		
14	Đường dây 110 kV Phong Thổ - Tân Uyên mạch 2 và đầu nối sau TBA220 kV Tân Uyên - Đoạn đi qua địa phận huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên Xã Trung Đông Xã Pắc Ta	0,53	0,50	0,01	Ngoài NSNN
		Xã Trung Đông	0,59	0,57	0,02	
		Xã Pắc Ta	0,75	0,74	0,01	
15	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho TBA Mường Khoa 2 và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Đội 6, CQT Tầng Đán, Thán Thuộc 3, TTHC2, Đội 3, Đội 5, CQT Đội 3, Hua Cháng, Tà Mít, huyện Tân Uyên năm 2019	Thị trấn Tân Uyên Xã Mường Khoa Xã Thán Thuộc Xã Tà Mít	0,08	0,06	0,02	Ngoài NSNN
		Xã Mường Khoa	0,09	0,07	0,02	
		Xã Thán Thuộc	0,10	0,08	0,02	
		Xã Tà Mít	0,13	0,11	0,02	
16	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Pắc Lý, CQT Thán Thuộc 1, Thanh Sơn, Bản Cà, Mường Khoa 5 và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Hua Ngò, IDC Nà Cóc, Hồ Be, huyện Tân Uyên năm 2019	Thị trấn Tân Uyên Xã Mường Khoa Xã Nậm Sò	0,11	0,09	0,02	Ngoài NSNN
		Xã Mường Khoa	0,10	0,08	0,02	
		Xã Nậm Sò	0,11	0,09	0,02	
17	Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (vị trí 01-02 Tân Uyên - Hua Sò lộ 372E29.2)	Thị trấn Tân Uyên	0,06	0,06		Ngoài NSNN
III	Huyện Tam Đường		0,65	0,46	0,19	0,19
a	Dự án đầu tư công		0,25	0,06	0,19	0,19
1	Nhà văn hóa bán Hồ Thầu	Xã Hồ Thầu	0,03	0,03		Hiện đất
2	Nhà văn hóa bán Hồ Ta (điều chỉnh vị trí, diện tích)	Thị trấn Tam Đường	0,06	0,06	0,06	Không BT về đất
3	Nhà văn hóa bán Cò Lá (điều chỉnh vị trí, diện tích)	Thị trấn Tam Đường	0,07	0,07	0,07	Không BT về đất
4	Nhà văn hóa bán Nậm Tường (điều chỉnh vị trí, diện tích)	Thị trấn Tam Đường	0,06	0,06	0,06	Không BT về đất
5	Nhà văn hóa bán Thác Tình (điều chỉnh vị trí)	Thị trấn Tam Đường	0,03	0,03		Hiện đất
b	Dự án ngoài đầu tư công		0,40	0,40		
6	Chống quá tải và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: 8A, Bản Mới,	Xã Sùng Phái, Nùng Nàng	0,40	0,40		Ngoài NSNN

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)
			Tổng cộng	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
			0,21	0,16	0,05		
		Xã Nậm Cha	0,22	0,17	0,05		
		Xã Pù Sam Cáp	0,43	0,38	0,05		
		Xã Tà Ngáo	0,23	0,18	0,05		
		Xã Pa Tần	0,23	0,18	0,05		
		Xã Làng Mỏ	5,53	4,82	0,21	0,50	2.900
V	Huyện Phong Thổ		4,70	4,04	0,19	0,47	2.900
a	Dự án đầu tư công		1,65	1,40	0,05	0,20	650
1	Nâng cấp đường Nậm Xe - Sin Súi Hồ (bổ sung diện tích)	Các xã: Nậm Xe, Sin Súi Hồ	0,05	0,05			50
2	Điểm trường tiểu học trung tâm xã Đào San (bổ sung diện tích)	Xã Đào San	0,02		0,02		200
3	Trường Mầm non trung tâm xã Đào San (bổ sung diện tích)	Xã Đào San	1,20	1,20			300
4	Di dân vùng có nguy cơ sạt lở xã Lán Nhi Thăng (bổ sung diện tích)	Xã Lán Nhi Thăng	1,35	1,25	0,10		1.500
5	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTBT Tiểu học Hoang Thên (điều chỉnh vị trí)	Xã Hoang Thên	0,03	0,03			50
6	Cầu Thên Thầu 2 (bổ sung diện tích)	Xã Bàn Lang	0,13	0,10	0,02	0,01	100
7	Cầu Pờ Ngải (bổ sung thêm vị trí)	Thị trấn Phong Thổ	0,27	0,01		0,26	50
8	Trạm y tế xã Si Lờ Lầu	Xã Si Lờ Lầu	0,83	0,78	0,02	0,03	
b	Dự án ngoài đầu tư công		0,03	0,03			Ngoài NSNN
9	Lập đất thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (VT 127-128 ĐZ Phong Thổ - Si Lờ Lầu lộ 371-E29.4)	Xã Bàn Lang	0,10	0,10			Ngoài NSNN
10	Dự án: 474 Phong Thổ - Mường So	Xã Mường So	0,70	0,65	0,02	0,03	
		Xã Lán Nhi Thăng	155,51	133,33	1,65	20,53	12.450
VI	Huyện Nậm Nhùn		149,90	128,37	1,00	20,53	12.450
a	Dự án đầu tư công		0,12	0,12			350
1	Nhà văn hóa Trung Chải	Xã Trung Chải	4,10	4,10		4,10	Không BT về đất
2	Sắp xếp ổn định dân cư bản Pá Sập, xã Nậm Pí, huyện Nậm Nhùn	Xã Nậm Pí	0,53			0,53	Không BT về đất
3	Trụ sở làm việc xã Nậm Chà, huyện Nậm Nhùn	Xã Nậm Chà	1,65	1,25		0,40	2.000
4	Đầu tư xây dựng phòng học các trường Mầm non, Tiểu học huyện Nậm Nhùn	Xã Nậm Pí	132,00	120,00	1,00	11,00	3.000
5	Đường từ suối Nậm Pồ đến trung tâm xã Nậm Chà, khu TĐC Huổi Mán, xã Nậm Chà, huyện Nậm Nhùn.	Xã Nậm Chà	7,00	7,00			7.000
6	Đường từ điểm TĐC Huổi Mán đến suối Nậm Pồ, khu TĐC Huổi Mán, xã Nậm Chà, huyện Nậm Nhùn (bổ sung)	Xã Nậm Chà	4,50			4,50	100
7	Đường giao thông điểm sắp xếp ổn định dân cư bản Pá Sập, xã Nậm Pí, huyện Nậm Nhùn	Xã Nậm Pí	5,61	4,96	0,65		
b	Dự án ngoài đầu tư công		1,67	1,67			Ngoài NSNN
8	ĐZ 110 kV từ TBA 220 kV Thủy điện Lai Châu - Mường Lay	Xã Nậm Hàng, Pú Dao, Lê Lợi	0,35	0,35			Ngoài NSNN
9	Nhà điều hành sản xuất Điện lực Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn	1,87	1,83	0,04		Ngoài NSNN
10	Đường dây 220 kV Mường Tè - Lai Châu (bổ sung)	Thị trấn Nậm Nhùn; X: Mường Mỏ, Nậm Hàng	0,19	0,18	0,01		Ngoài NSNN
11	Xuất tuyến ĐZ 35 kV trạm 110 kV thủy điện Nậm Ban	Xã Nậm Ban	1,53	1,28	0,25		Ngoài NSNN
12	Cấp điện cho thôn bản chưa có điện tỉnh Lai Châu	Xã Nậm Ban, Trung Chải, Mường Mỏ, Nậm Manh, Nậm Chà	81,26	38,70	19,92	22,64	9.510
VII	Huyện Mường Tè						



STT	Dự án đầu tư công	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (trệu đồng)
			Tổng cộng	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
a	Dự án đầu tư công		73,888	32,06	19,59	22,23	9,510
1	Dường giao thông đến bản Chá Gà, xã Pa Vê Sù, huyện Mường Tè.	Xã Pa Vê Sù	12,72	11,12	0,30	1,30	1.360
2	Dường giao thông đến bản Sín Chá C, xã Pa Vê Sù, huyện Mường Tè.	Xã Pa Vê Sù	7,94	2,20	0,74	5,00	400
3	Mặt đường, thoát nước đường giao thông đến điểm canh định cư Xé Ma, xã Tà Tông, huyện Mường Tè.	Xã Tà Tông, Can Hồ	6,07	4,66	1,28	0,13	100
4	Mặt đường, thoát nước đường giao thông đến điểm canh định cư Xé Ma, xã Tà Tông, huyện Mường Tè.	Xã Tà Tông	12,00	8,90	1,10	2,00	500
5	Mặt đường, thoát nước đường giao thông Tả Pa - Lè Giảng, xã Tả Pa, huyện Mường Tè.	Xã Tả Pa	3,19	0,19	1,80	1,20	200
6	Nâng cấp đường giao thông Ka Lăng - Là Si, xã Ka Lăng, huyện Mường Tè.	Xã Ka Lăng	2,90		1,90	1,00	Hiện đất
7	Dường giao thông đến bản Suối Voi, xã Can Hồ, huyện Mường Tè.	Xã Can Hồ	10,80	1,30	5,00	4,50	250
8	Hạ tầng sắp xếp dân cư Suối Voi, xã Can Hồ, huyện Mường Tè.	Xã Can Hồ	4,00	0,70	1,00	2,30	100
9	Tuyến giao thông đến điểm DCDC Mù Su xã Mù Cà, huyện Mường Tè.	Xã Mù Cà	6,20	0,20	3,50	2,50	200
10	Trạm Y tế Pa Ủ, huyện Mường Tè	Xã Pa Ủ	0,40	0,40			400
11	Đường từ trung tâm xã Pa Vê Sù đến Đồn BP 307 (điều chỉnh diện tích)	Xã Pa Vê Sù	7,66	2,39	2,97	2,30	6.000
b	Dự án ngoài đầu tư công		7,38	6,64	0,33	0,41	
12	Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (VT11-12 NR Mường Tè - Ka Lăng lộ 371-E29.3)	Xã Mường Tè	0,02	0,02			Ngoài NSNN
13	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Bản Giảng, Chang Chảo Pa, UB Pa Vê Sù, Phi Chi A, huyện Mường Tè năm 2019	Xã Mường Tè	0,10	0,10			Ngoài NSNN
		Xã Bùn Nưa	0,10	0,10			
		Xã Pa Vê Sù	0,10	0,10			
		Xã Vàng San	0,45	0,44	0,01		
		Xã Bùn Nưa	0,04	0,04			
14	Đường dây 220KV Mường Tè - Lai Châu (bổ sung diện tích)	Thị trấn Mường Tè	0,15	0,13	0,01	0,01	Ngoài NSNN
		Xã Bùn Tở	0,28	0,28			
		Xã Kan Hồ	1,91	1,72	0,31	0,19	
15	Trạm biến áp 220 xã Vàng San (điều chỉnh diện tích)	Xã Vàng San	4,23	3,71	0,31	0,21	Ngoài NSNN
VIII	Thành phố Lai Châu		20,34	12,75	4,15	3,44	24,290
a	Dự án đầu tư công		20,34	12,75	4,15	3,44	24,290
1	Trường THCS Quyết Tiến (bổ sung diện tích)	Phường Quyết Tiến	1,63	1,50	0,13		2.500
2	Xây dựng Văn phòng thường trú Bảo Nhân dân tại tỉnh Lai Châu	Phường Tân Phong	0,15	0,08	0,07		400
3	Nhà công vụ tỉnh Lai Châu	Phường Tân Phong	0,30		0,30		Không BT về đất
4	Cải tạo đường Thanh Niên (bổ sung diện tích)	Phường Tân Phong	1,50	1,50			1.530
5	Xây dựng đường giao thông và HTKT KDC số 6 (GA): Hàng mục đường R5 (bổ sung diện tích)	Phường Tân Phong	0,02		0,02		Không BT về đất
6	Cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước bản Tà Xin Chải tới ngã ba Duy Phong	Xã San Thàng	0,44	0,10	0,34		2.210
7	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường GTNT và hệ thống thoát nước bản Thành Công- xã San Thàng	Phường Đông Phong	0,76	0,10	0,66		500
8	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước tổ 23 - phường Đông Phong (đoạn tiếp giáp đường QL4D)	Xã San Thàng	0,75	0,20	0,55		350
9	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước bản Sèo Làn Than tới bản Màng	Phường Đông Phong	0,40	0,05	0,35		600
		Phường Quyết Thắng	0,55	0,10	0,45		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)
			Tổng cộng	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
10	Nâng cấp tuyến đường Trần Văn Thọ, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu (đoạn giao với đường Trần Quý Cáp và đường số 2C-9 theo quy hoạch)	Phường Tân Phong	0,50	0,40	0,10	900	
11	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường GTNT từ bản Lò Suối Tùng, xã San Thàng đi Sin Cầu	Xã San Thàng	1,80	1,00	0,80	700	
12	Phát triển quỹ đất khu 9 - khu dân cư số 2 phường Tân Phong (bổ sung)	Phường Tân Phong	0,50			Không BT về đất	
13	Đầu tư mặt bằng và HTKT khu TĐC Cảnh sát cơ động - Công an tỉnh thuộc địa phận xã San Thàng, thành phố Lai Châu	Xã San Thàng	2,50	2,46	0,04	3.600	
14	Đầu tư mặt bằng và HTKT khu dân cư 2B mở rộng (lô 3, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu)	Phường Đông Phong	1,50	1,20	0,30	3.800	
15	Đầu tư mặt bằng và HTKT khu dân cư 2B mở rộng (lô 2, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu)	Phường Đông Phong	3,10	3,10		6.000	
16	Phát triển quỹ đất để cấp TĐC và đấu giá QSD đất khu dân cư 2B, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu	Phường Đông Phong	2,60			Không BT về đất	
17	Đầu tư mặt bằng và HTKT bên đường Trần Đăng Ninh, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu	Phường Đông Phong	1,34	0,96	0,04	1.200	
120	Tổng cộng		381,20	276,22	44,78	77.118	
						60,20	



**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (ha)		
			Tổng	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Huyện Thanh Uyên		27,09	8,88	18,21
a	Dự án đầu tư công		8,50	8,50	
1	Kè bảo vệ khu dân cư, đất nông nghiệp suối Năm Bón xã Hua Nà (bổ sung diện tích)	Xã Hua Nà, Mường Cang, Thị trấn Thanh Uyên	5,00	5,00	
2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới (tạo quỹ đất ở để đầu tư giải quyết sử dụng đất dọc ven đường QL.32)	Xã Mường Than	0,80	0,80	
3	Dự án chỉnh trang đô thị tạo quỹ đất đầu tư, tái định cư và phát triển kinh tế - xã hội khu 8 thị trấn Thanh Uyên huyện Thanh Uyên	Thị trấn Thanh Uyên	0,10	0,10	
4	Trường PTDTBT tiểu học xã Tà Mung (điều chỉnh diện tích)	Xã Tà Mung	2,10	2,10	
5	Sân vận động xã Hua Nà	Xã Hua Nà	0,20	0,20	
6	Nâng cấp đường giao thông 279 đi Hua Chit (hạng mục mặt đường, rãnh thoát nước) xã Tà Hừa, huyện Thanh Uyên (Bổ sung)	Xã Tà Hừa	0,30	0,30	
b	Dự án ngoài đầu tư công		18,59	0,38	18,21
7	Cải tạo và chống quá tải các TBA Giao thông, Mường Kim 2, Mường Kim 4 - huyện Thanh Uyên	Các xã: Mường Kim, Mường Cang	0,04	0,04	
8	Cải tạo và chống quá tải và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA khu vực thị trấn Thanh Uyên, huyện Thanh Uyên	Thị trấn Thanh Uyên, Các xã: Mường Than, Hua Nà, Mường Cang	0,01	0,01	
9	Mở rộng và cải tạo lưới điện nông thôn vùng sâu, vùng xa tỉnh Lai Châu giai đoạn 3 - sử dụng vốn dư (điều chỉnh diện tích)	Các xã: Khoen On, Ta Gia, Phúc Than	0,02	0,02	
10	Cấp điện cho các thôn bản chưa có điện tỉnh Lai Châu (điều chỉnh diện tích)	Thị trấn Thanh Uyên, Các xã: Mường Than, Phúc Than	0,03	0,03	
11	Cải tạo, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA Mường Than 2, Cầu Nặm Phang huyện Thanh Uyên (bổ sung diện tích)	Các xã: Phúc Than, Mường Than	0,02	0,02	
12	Cải tạo, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA UB xã Nà Cang, Ban QLDA thủy điện I huyện Thanh Uyên (bổ sung diện tích)	Thị trấn Thanh Uyên, các xã Mường Cang, Hua Nà	0,03	0,03	
13	Giảm bán kính cấp điện, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA: Mường Kim 3, Mường Kim 5, TT xã Tà Mung, huyện Thanh Uyên (bổ sung diện tích)	Các xã: Mường Kim, Tà Mung	0,01	0,01	
14	Thủy điện Năm Mốt 2	Xã Khoen On, Tà Mung	18,43	0,22	18,21
II	Huyện Tân Uyên		12,33	9,50	2,83
a	Dự án đầu tư công		5,33	2,50	2,83
1	Đường Hua Cản - Hua Tra Nội	Xã Mường Khoa	4,83	2,00	2,83
2	Sân vận động huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,05	0,05	
3	Trạm y tế xã Tà Mít	Xã Tà Mít	0,40	0,40	
4	Trạm y tế xã Năm Cản	Xã Năm Cản	0,05	0,05	
b	Dự án ngoài đầu tư công		7,00	7,00	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (ha)	
			Tổng	Đất trồng lúa Đất rừng phòng hộ
5	Đường dây 110 kV Phong Thổ - Than Uyên mạch 2 và đầu nối sau TBA220 kV Than Uyên - Đoạn đi qua địa phận huyện Tân Uyên	Xã Phúc Khoa Thị trấn Tân Uyên Xã Trung Đông Xã Pắc Ta	0,12 0,35 0,15 0,35	0,12 0,35 0,15 0,35
6	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho TBA Mường Khoa 2 và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Đội 6, CQT Tầng Đán, Thân Thuộc 3, TTHC2, Đội 3, Đội 5, CQT Đội 3, Hua Chăng, Tà Mít, huyện Tân Uyên năm 2019	Thị trấn Tân Uyên Xã Mường Khoa Xã Thân Thuộc Xã Tà Mít	0,03 0,04 0,03 0,06	0,03 0,04 0,03 0,06
7	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Pắc Lý, CQT Thân Thuộc 1, Thanh Sơn, Bản Cà, Mường Khoa 5 và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Hua Ngò, TDC Nà Cóc, Hô Be, huyện Tân Uyên năm 2019	Xã Pắc Ta Thị trấn Tân Uyên Xã Mường Khoa Xã Nậm Sỏ	0,03 0,02 0,02 0,03	0,03 0,02 0,02 0,03
8	Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (vị trí 01-02 Tân Uyên - Hua Sỏ lộ 372E29.2)	Thị trấn Tân Uyên	0,01	0,01
9	Thủy điện Hua Chăng 2	Thị trấn Tân Uyên	2,06	2,06
10	Thủy điện Phiêng Lú	Xã Nậm Càn, Mường Khoa	3,70	3,70
III	Huyện Tam Đường		0,03	0,03
a	Dự án đầu tư công		0,03	0,03
1	Nhà văn hóa bản Thác Tình (điều chỉnh vị trí)	Thị trấn Tam Đường	0,03	0,03
IV	Huyện Sin Hồ		4,41	4,41
a	Dự án đầu tư công		3,21	3,21
1	Thủy lợi Can Hồ	Xã Lũng Thàng	0,30	0,30
2	Thủy lợi Phiêng Trà	Xã Nậm Tăm	0,20	0,20
3	Thủy lợi Nậm Hoi	Xã Nậm Cuối	0,10	0,10
4	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi Lũng Thàng	Xã Lũng Thàng	0,06	0,06
5	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi bản Làng Mỏ	Xã Làng Mỏ	0,05	0,05
6	Bố trí dân cư tập trung ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở cao điểm bản Hua Cuối	Xã Nậm Cuối	0,10	0,10
7	Đường Ka Sin Chải - trung tâm xã	Xã Tà Ngáo	0,10	0,10
8	Đường trung tâm xã - bản Hắt Hơ	Xã Xã Dề Phìn	0,50	0,50
9	Đường Trị Xoang - Tăm Choong	Xã Tà Phìn	1,20	1,20
10	Đường vào bản Đo Nội	Xã Nậm Hần	0,05	0,05
11	Đường từ bản Ma Quai Thàng - bản Sà Chải 1, xã Hồng Thu	Xã Ma Quai, Hồng Thu	0,05	0,05
12	Đường từ Suối Sù Tổng - Nậm Hái	Xã Tà Phìn	0,20	0,20
13	Kè chống sạt lở đất khu vực thị trấn Sin Hồ	Thị trấn Sin Hồ	0,30	0,30
b	Dự án ngoài đầu tư công		1,20	1,20
14	Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (VT01-02 NR Pu Sam Cáp- Nậm Hần Lộ 372-E29.1)	Xã Noong Hèo	0,04	0,04
15	Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (VT127-128 DZ Phong Thổ - Si Lờ Lâu lộ 317-E29.4; VT321- 322 Phong Thổ -Sin Hồ lộ 375-E29.4; VT60-61 Phìn Hồ - Nậm Tăm lộ 375-E29.4)	Xã Tà Ngáo Xã Lũng Thàng	0,03 0,03	0,03 0,03
16	Cấp điện cho các thôn, bản chưa có điện tỉnh Lai Châu	Xã Hồng Thu Xã Phìn Hồ Xã Tà Phìn	0,16 0,08 0,06	0,16 0,08 0,06



STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (ha)		
			Tổng	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ
V	Huyện Phong Thổ				
a	Dự án đầu tư công				
1	Nâng cấp đường Năm Xe - Sín Súi Hồ (bổ sung diện tích)	Xã Sà Dè Phìn Xã Phàng Sô Lìn Xã Tủa Sín Chải Xã Năm Tâm Xã Năm Chá Xã Pu Sam Cáp Xã Tà Ngáo Xã. Pa Tân Xã Làng Mỏ	0,08 0,05 0,07 0,09 0,07 0,08 0,18 0,09 0,09	0,08 0,05 0,07 0,09 0,07 0,08 0,18 0,09 0,09	
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTBT Tiểu học Hoàng Thèn (điều chỉnh vị trí)	Các xã: Năm Xe, Sín Súi Hồ Xã Hoàng Thèn	0,10 0,20	0,39 0,10	0,10
3	Cầu Thèn Thầu 2 (bổ sung diện tích)	Xã Bàn Lang	0,03	0,20	0,10
4	Cầu Pờ Ngải (bổ sung thêm vị trí)	Thị trấn Phong Thổ Xã Sín Lở Lầu	0,05 0,01	0,03 0,01	0,10
5	Trạm y tế xã Sín Lở Lầu	Xã Sín Lở Lầu	0,01	0,01	
b	Dự án ngoài đầu tư công				
6	Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (VT 127-128 DZ Phong Thổ - Sín Lở Lầu lộ 371-E29,4)	Xã Bàn Lang	0,02	0,02	
7	Dự án: 474 Phong Thổ - Mường Sô	Xã Làn Nhì Thàng Xã Vàng Ma Chải	0,05 1,40	0,05 1,40	
8	Thủy điện Vàng Ma Chải 2	Xã Pa Vây Sừ Xã Tung Qua Lìn	0,75 0,15	0,75 0,15	
9	Thủy điện Vàng Ma Chải 3	Xã Vàng Ma Chải Xã Bàn Lang Xã Đào San Xã Bàn Lang	1,00 1,50 0,65 2,40	1,00 1,50 0,65 2,40	
10	Thủy điện Năm Lùm 1	Xã Năm Xe Xã Mường Sô	0,97 1,80	0,97 1,80	
11	Thủy điện Năm Lon	Xã Năm Xe	0,90	0,90	
12	Thủy điện Van Hồ	Xã Năm Xe	2,76	2,76	
13	Thủy điện Năm Xe 2	Xã Sín Súi Hồ	0,31	0,31	
14	Thủy điện Năm Xe	Xã Năm Xe	0,20	0,20	
15	Đường dây 110kv đầu nối nhà máy thủy điện Năm Pác 2	Xã. Sín Súi Hồ	4,74	4,64	0,10
16	Thủy điện Năm Pác 1 (Hạng mục: Đường thi công, vận hành)	Xã. Sín Súi Hồ	4,12	4,12	
VI	Huyện Năm Nhùn				
a	Dự án đầu tư công				
1	Nhà văn hóa Trung Chải	Xã Trung Chải	0,12	0,12	
2	Đường từ suối Năm Pồ đến trung tâm xã Năm Chá, khu TĐC Huổi Mẩn, xã Năm Chá, huyện Năm Nhùn.	Xã Năm Chá	4,00	4,00	
b	Dự án ngoài đầu tư công				
3	DZ 110 KV từ TBA 220 KV Thủy điện Lai Châu - Mường Lay	Xã Năm Hàng, Pú Dao, Lê Lợi	0,62	0,52	0,10
4	Xuất tuyến DZ 35 KV trạm 110 KV thủy điện Năm Bàn	Xã Năm Bàn	0,25	0,15	0,10
5	Cấp điện cho thôn bản chưa có điện tỉnh Lai Châu	Xã Năm Bàn, Trung Chải, Mường Mỏ, Năm Mạnh, Năm Chá	0,06 0,31	0,06 0,31	
VII	Huyện Mường Tè				
			4,59	4,52	0,07

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (ha)	
			Tổng	Đất trồng lúa Đất rừng phòng hộ
a	Dự án đầu tư công			
1	Đường giao thông đến bản Chà Gá, xã Pa Vệ Sù, huyện Mường Tè.	Xã Pa Vệ Sù	0,89	0,89
2	Đường giao thông đến bản U Na, xã Tà Tông, huyện Mường Tè.	Xã Tà Tông, Can Hồ	0,80	0,80
3	Mặt đường, thoát nước đường giao thông đến điểm định canh định cư Xé Ma, xã Tà Tông, huyện Mường Tè.	Xã Tà Tông	0,03	0,03
4	Mặt đường, thoát nước đường giao thông Tả Pa - Lè Giảng, xã Tả pa, huyện Mường Tè.	Xã Tả Pa	0,03	0,03
b	Dự án ngoài đầu tư công		3,70	3,63
5	Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (VT11-12 NIR Mường Tè - Ka Lãng lộ 371-E29.3)	Xã Mường Tè	0,02	0,02
6	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Bản Giảng, Chang Cháo Pá, UB Pa Vệ Sù, Phi Chi A, huyện Mường Tè năm 2019	Xã Mường Tè Xã Bum Nưa Xã Pa Vệ Sù	0,02 0,02 0,02	0,02 0,02 0,02
7	Đường dây 220KV Mường Tè - Lai Châu (bổ sung diện tích)	Xã Vàng San Xã Bum Nưa Xã Kan Hồ Xã Vàng San	0,05 0,02 0,09 3,46	0,05 0,02 0,02 3,46
8	Trạm biến áp 220 xã Vàng San (điều chỉnh diện tích)		2,00	2,00
VIII	Thành phố Lai Châu		2,00	2,00
a	Dự án đầu tư công			
1	Đầu tư mặt bằng và HTKT khu TĐC Cảnh sát cơ động - Công an tỉnh thuộc địa phận xã San Thàng, thành phố Lai Châu	Xã San Thàng	2,00	2,00
71	Tổng cộng		70,37	49,16
				21,21